

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 13/01/2022

ã

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Bùi Thế Hanh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-HSST ngày 22 tháng 12 năm 2021, đối với bị các bị cáo:

1. Lê Văn Q – sinh năm 2001; Tên gọi khác: không

NĐKNKTT và chỗ ở: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Lê Văn Kiên – sinh năm 1978 và bà Ngô Thị Huyền – sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có ba anh chị em: bị cáo là con cả.

Tiền án: Lê Văn Q bị Bản án hình sự số 65/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 08/02/2021).

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/5/2019, bị Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã (Cai nghiện) thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 31/5/2019 đến ngày 31/8/2019.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2021 đến nay – Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa);

2. Lê Phạm Trung H – Sinh ngày 14/12/2006; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Phạm Văn Đán – sinh năm 1983 và bà Lê Thị H – sinh năm 1985; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có hai chị em: bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo đầu thú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa);

Người giám hộ cho Lê Phạm Trung H là chị Lê Thị H – sinh năm 1985(Mẹ đẻ của H);

Cùng NĐKNKTT và chỗ ở: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Phạm Trung H là bà: Nguyễn Thị Mai – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước của Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt);

Đại diện Đoàn thanh niên của UBND xã Hợp Thịnh tham gia phiên tòa ông: Nguyễn H Tuyển – Bí thư Đoàn (Có mặt).

**Người bị hại:**

Cháu Dương Văn N – sinh năm 2005(Vắng mặt);

Người giám hộ cho cháu Dương Văn N là chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1978 (Mẹ đẻ của cháu Nam) (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phạm Trung H, sinh ngày 14/12/2006 và cháu Dương Văn N, sinh ngày 24/3/2005 đều ở cùng thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng tháng 5 năm 2021, cháu Nam thuê xe taxi rủ H cùng ba người bạn đến khu công nghiệp Vân Trung thuộc xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để làm công nhân. Tại đây, H với cháu Nam cùng ba người bạn phải thuê nhà nghỉ, mua đồ ăn uống qua đêm để sáng hôm sau đi xin việc. Sau khi đến công ty thử việc nhưng không đạt yêu cầu không xin được việc làm nên cháu Nam bỏ về trước, H cùng ba người bạn ra về sau. H phải trả tiền thuê nhà nghỉ và tiền ăn cho cả nhóm hết 1.500.000đ nên phải bán chiếc điện thoại di động của H đang sử dụng được 1.600.000đ để trả tiền ăn nghỉ. Sau khi về nhà, H nghĩ Nam cùng ăn ở nhà nghỉ với mình phải có một phần trách nhiệm trong số tiền H đã thanh toán, do vậy H đã nhắn tin qua mạng Facebook yêu cầu Nam phải trả H số tiền 1.000.000đ và Nam đồng ý. Tuy nhiên, sau đó một thời gian thì Nam không trả tiền đồng thời chặn Facebook của H. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/8/2021, H đang ngồi ở quán nước gần trường Trung học cơ sở xã Hợp Thịnh cùng với Tạ Duy Thanh – sinh năm 2006; Mai Văn Thịnh – sinh năm 2005 (Là người cùng thôn với H) và một người theo H khai tên là Minh (H chỉ biết ở huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội), tại đây Thanh nói lại với H “Hôm trước gặp Nam, Nam nói không trả 1.000.000đ cho H”. Nghe thấy vậy H đã nhắn tin cho Lê Văn Q – sinh năm 2001 (Người cùng thôn) nhờ Q đưa Nam ra khu vực nhà văn hóa xóm Đồng Dầu, thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh để H đòi tiền cháu Nam. Q đã nhắn tin nhờ Lê Duy Thành – sinh năm 2007 (Người cùng thôn) rủ cháu Nam ra khu vực nhà Văn Hóa xóm Đồng Dầu của thôn Trung Tâm để H gặp Nam. Sau đó, Q nhắn tin lại cho H thông báo là Nam đã đến đó. Lúc này H mượn xe mô tô của Minh để đi đến gặp Nam thì Thịnh và Thanh cũng ngồi nhờ xe của H để đi về nhà. Nam lúc này đang ở nhà thì được Thành đi xe mô tô đến rủ đi ra khu vực Bách Nhãn, xã Mai Trung để lấy tiền nên Nam đồng ý. Khi Thành trở Nam đến khu vực nhà văn Hóa xóm Đồng Dầu thì gặp Q và H, Nam xuống xe còn Thành bỏ đi. H tiến đến chỗ Nam đang đứng và hỏi “Mày có trả tiền không?” rồi dùng tay nắm liên tiếp nhiều cái vào mặt và lưng của Nam. Lúc này Q xông vào ôm Nam từ phía sau để giằng chiếc điện thoại di động

của Nam đang cầm trên tay, Nam giữ chặt Q không giăng được, Q vẫn ôm, giữ Nam và hô H “Vào lấy điện thoại của nó” hai, ba lần. Thấy Q hô vậy H đã xông vào giăng được chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu H của cháu Nam đang cầm trên tay. Sau khi H lấy được điện thoại thì Q buông Nam ra, Q bảo H đưa điện thoại của Nam cho Q và Q yêu cầu Nam cung cấp mật khẩu để Q sử dụng, Nam làm theo yêu cầu của Q sau đó thì Q và H bỏ đi còn Nam chạy về nhà. Nam có đơn trình báo Công an xã Hợp Thịnh, đến 17 giờ 30 phút cùng ngày Q đã đến Công an xã Hợp Thịnh đầu thú.

Ngày 31/8/2021, Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Hiệp Hòa có văn bản yêu cầu định giá chiếc điện thoại của Dương Văn N. Ngày 01/9/2021, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận, chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu H, vỏ ốp màu cam có số Imei: 359188071802441 trị giá: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

\*Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2021.

Áp dụng: khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Điều 8 Thông tư số 02/2018/TT – TANDTC ngày 21/9/2018 xử phạt bị cáo Lê Phạm Trung H từ 18 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 40 tháng.

Giao bị cáo Lê Phạm Trung H cho UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: không;
- Về trách nhiệm dân sự: không;
- Về vật chứng: không;
- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 12, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Lê Phạm Trung H không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người giám hộ của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, lời trình bày của Trợ giúp viên pháp lý có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số: 109/CT – VKSHH ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo Lê Văn Q và bị cáo Lê Phạm Trung H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS là đúng người, đúng tội không oan. Khoảng 13 giờ ngày 29/8/2021, Lê Văn Q và Lê Phạm Trung H đã có hành vi đâm và khống chế Dương Văn N để lấy chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu H của Nam.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Q và Lê Phạm Trung H là nguy hiểm cho xã hội bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ đã làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo cũng một phần xuất phát từ lỗi của Dương Văn N khi bị cáo H và anh Nam cùng là người chưa thành niên và có quan hệ bạn bè với nhau nên H đã đồng ý chi trả các khoản ăn uống, nghỉ ngơi của một nhóm bạn trong đó có Nam và bạn của Nam khi cùng nhau đi xin việc trước đó. Bản thân H cũng không có tiền H đã phải bán chiếc điện thoại của mình để trả các khoản chi phí đó nên việc anh Nam trước đó đã đồng ý trả nợ cho bị cáo nhưng sau lại không đồng ý dẫn đến H không kìm chế được bản thân nên đã có hành vi đâm và đánh Nam để lấy điện thoại của Nam với mục đích đòi tiền Nam nợ H. Vì vậy, hành vi của bị cáo Q và bị cáo H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố về tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS là có căn cứ.

[4] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, HĐXX thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo đã cùng cố ý thực hiện tội phạm nên khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất đồng phạm, vai trò mức độ tham gia của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17; Điều 58 BLHS. Đồng thời, đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai bị cáo để có mức phạt tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là cần thiết.

- Tính đồng phạm của bị cáo Q và bị cáo H có tính chất giản đơn, hai bị cáo không có sự bàn bạc, phân công các hành vi phạm tội của hai bị cáo đều mang tính bột phát. Xét về vai trò và nhận thức của hai bị cáo thì bị cáo Lê Văn Q là người thành niên và cố ý thực hiện hành vi cướp tài sản của Dương Văn N và bị cáo cũng chính là người giữ chiếc điện thoại đến cuối cùng nên bị cáo Q giữ vai trò chính và cao hơn với bị cáo H là có căn cứ.

- Xét Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn Q có nhân thân xấu Ngày 31/5/2019, bị Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã (Cai nghiện) thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 31/5/2019 đến ngày 31/8/2019.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q phạm tội khi chưa được xóa án tích của Bản án hình sự số 65/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” và bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng khi có lời lẽ hô hào để H lấy chiếc điện thoại từ trong tay của Nam là “Xúi giục người

dưới 18 tuổi phạm tội” được quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

-Xét về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Q và bị cáo H cùng có các tình tiết giảm nhẹ là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLTTHS cho bị cáo Q và bị cáo H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên đây HĐXX xét thấy bị cáo Q cần phải cách ly khỏi xã hội bằng một hình phạt tù có thời hạn để phòng ngừa cũng như giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội là cần thiết.

Bên cạnh đó HĐXX xét thấy, bị cáo H khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi khả năng nhận thức của bị cáo còn nhiều hạn chế, bị cáo cần phải sống cùng gia đình và cộng đồng xã hội để bị cáo hoàn thiện về nhận thức. Các hoạt động thường ngày cùng gia đình người thân sẽ giúp bị cáo trưởng thành để trở thành công dân có ích cho xã hội là điều quan trọng của pháp luật khi quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên. Vì vậy, HĐXX xét thấy tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị xử phạt án treo cho bị cáo H là phù hợp và cần chấp nhận là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo H khi phạm tội thuộc trường hợp là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nên mức hình phạt được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định cho bị cáo H là có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo Q trước đó không có việc làm ổn định nên bị cáo không có tài sản tích lũy và bị cáo H là người chưa thành niên cũng không có khả năng có tài sản tích lũy. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cháu Dương Văn N với sự giám hộ của chị Nguyễn Thị H là mẹ của cháu Nam cùng xác nhận không yêu cầu hai bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường bất cứ khoản tiền gì. Do việc bồi thường dân sự bị hại và người giám hộ của bị hại tự nguyện không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

- Đối với cháu Tạ Duy Thanh và cháu Mai Văn Thịnh có ngồi cùng xe mô tô với H đến khu vực nhà văn hóa xóm Đồng Dầu; Lê Duy Thành được nhờ đưa Nam đến khu vực xóm Đồng Dầu chứng kiến việc Q và H chiếm đoạt điện thoại của Nam. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ Thanh, Thịnh và Thành đều không biết việc H và Q gặp Nam để chiếm đoạt điện thoại của Nam. Sau khi sự việc xảy ra Thanh, Thịnh và Thành cũng không được Q, H ăn chia hay hưởng lợi gì. Vì thế, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Thanh, Thịnh và Thành là có căn cứ.

[7]**Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 12; Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn Q phải chịu án phí HSST; Miễn án phí HSST cho bị cáo Lê phạm Trung H.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Q 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2021.

Áp dụng: khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Điều 8 Thông tư số 02/2018/TT – TANDTC ngày 21/9/2018 xử phạt bị cáo Lê Phạm Trung H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Phạm Trung H cho UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 12, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí HSST cho bị cáo Lê Phạm Trung H.

Báo cho bị cáo, người giám hộ của bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người giám hộ của người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa;
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- Người bị hại; Người giám hộ;
- Bị cáo; Người giám hộ;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hương Lan**

